

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST

Ngày 22-9-2020

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di
dời cây trồng (cây thông) trên đất để
trả lại đất và yêu cầu hủy một phần
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Nam Tước

Ông Lương Viết Khê

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng
5 năm 2020 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu
cầu di dời cây trồng (cây thông) trên đất để trả lại đất và yêu cầu hủy một phần
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
13/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020, Quyết định thay đổi người
tiến hành tố tụng số: 144/2020/QĐ-TA ngày 08 tháng 9 năm 2020, Quyết định
hoãn phiên tòa số: 84/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2020, Quyết định
thay đổi người tiến hành tố tụng số: 148/2020/QĐ-TA ngày 17 tháng 9 năm
2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị B. Nơi cư trú: Thôn Y, xã Y1, huyện C, tỉnh
Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Xuân T. Nơi cư trú: Thị trấn C,
huyện C, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 20-12-2019); có mặt.

- Bị đơn: Bà Lý Thị C, tên gọi khác: Lý Thị C1. Nơi cư trú: Xã E, huyện
E1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Chu Bích T, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn T, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 15-01-2020); vắng mặt

2. Anh Hoàng Văn N, vắng mặt

3. Anh Hoàng Văn T, vắng mặt

4. Anh Hoàng Văn T1, vắng mặt

5. Chị Lâm Thị T, vắng mặt

6. Chị Vi Thị N, vắng mặt

Cùng cư trú: Thôn Y, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

7. Chị Hoàng Thị B. Nơi cư trú: Đường N, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Ông Hoàng Văn M, tên gọi khác: Hoàng Văn M1. Nơi cư trú: Xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn M: Bà Chu Bích T, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Cụ Chu Thị D. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

10. Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh khí hóa lỏng L

Địa chỉ: Thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Triệu Xuân T, Giám đốc Công ty; có mặt.

- Người làm chứng

1. Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Lương Văn M, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Hoàng Văn H. Nơi cư trú: Thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-12-2019, cùng những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn khởi kiện bà Lý Thị C về việc tranh chấp đất đai, buộc thu hoạch cây thông trên đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng diện tích đất tranh chấp là 16.300m² đất rừng sản xuất, có địa danh là khu P, thuộc thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức, vụ xuân 1999, thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức). Toàn bộ thửa đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00411QSĐĐ/674/QĐ-UB ngày 31-12-2000 cho hộ bà Lý Thị C. Qua đo đạc, nguyên đơn xác định diện tích đất tranh chấp là 15.284,0m² đất rừng sản xuất; trong đó có: 14.188m² đất thuộc một phần thửa đất số 6b; 1.096m² đất thuộc một phần thửa đất số 6a, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức, nay thuộc một phần thửa đất số 1483, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/10000 lập năm 2010 xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp). Vào năm 2012, có 944,0m² đất đã bị Nhà nước thu hồi theo dự án nâng cấp tuyến đường Y - L và nguyên đơn là người nhận tiền đền bù đất, đó là thửa đất 19, tờ bản đồ số 114, Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 lập năm 2016 xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là Bản đồ địa chính). Do một phần diện tích đất tranh chấp nguyên đơn đã nhận tiền đền bù và một phần không thuộc thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức. Nên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 874,4m² đất thuộc một phần thửa đất số 6b và 1096m² thuộc một phần thửa đất số 6a, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức. Trên diện tích đất tranh chấp còn lại 14.188m², hiện có tài sản do Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh khí hóa lỏng L (gọi tắt là Công ty) trồng và xây dựng năm 2019 gồm: Sân bê tông, 01 nhà kho, 01 téc nước, 01 cột đèn chiếu sáng, một phần bức tường rào số I, 01 cây lát, 01 cây đào, một phần diện tích đất san gạt không trồng cây. Ngoài ra, còn có 521 cây thông do bị đơn trồng năm 1999 và 253 cây sớ do cụ Chu Thị D là mẹ chồng của nguyên đơn trồng trước năm 1992.

Đất tranh chấp theo nguyên đơn có nguồn gốc thuộc một phần diện tích đất tại khu P của cụ Chu Thị D khai phá, quản lý và sử dụng thường xuyên, không có ai tranh chấp. Đến năm 1992, cụ Chu Thị D đi vào miền Nam sinh sống nên đã giao khu đất trên cho vợ chồng nguyên đơn quản lý, sử dụng. Trong quá trình quản lý, sử dụng, vợ chồng nguyên đơn không trồng thêm cây trồng mới, mà chỉ có các cây sớ cụ Chu Thị D để lại và có thêm một số cây mọc tự nhiên. Năm 1999, khi có Dự án trồng rừng Việt Đức, do không sống ở gần đó và gia đình neo người nên nguyên đơn không trồng thông theo Dự án mà cho 03 gia đình, đó là: Gia đình ông Hoàng Văn I, Hoàng Văn B và Hoàng Văn M (là chồng của bị đơn) mượn đất để trồng rừng. Phần đất gia đình nhà bị đơn mượn là phần đất đang có tranh chấp, còn phần đất gia đình ông Hoàng Văn B, ông Hoàng Văn I mượn là phần đất thuộc thửa đất số 6a. Khi cho mượn đất, các bên đều thỏa thuận chỉ cho mượn đất để trồng rừng, không cho đất, khi nào khai thác

cây xong thì phải trả lại đất. Bản thân nguyên đơn không có họ tên nào khác ngoài họ và tên Hoàng Thị B nên nguyên đơn không thừa nhận giá trị pháp lý của giấy Biên nhận chuyển rừng đề ngày 26-3-1999 (bản phô tô) mà bị đơn xuất trình. Mặc dù cho mượn đất nhưng nguyên đơn vẫn tiếp tục khai thác tài sản cây sở có trên đất. Ngày 28-7-2010, nguyên đơn được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 1483, tờ bản đồ số 01, diện tích 22.482m². Đến năm 2012, khi có Dự án nâng cấp tuyến đường Y - L, Nhà nước tiến hành thu hồi đất để thực hiện dự án thì nguyên đơn mới phát hiện một phần diện tích mà nguyên đơn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lý Thị C năm 2000 nên hai bên đã xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, khi thực hiện nhận tiền đền bù, thì gia đình ông Hoàng Văn B, ông Hoàng Văn I, ông Hoàng Văn M nhận tiền đền bù về giá trị cây (cây thông) trên đất, còn gia đình nguyên đơn nhận tiền đền bù về giá trị đất. Sau đó, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án, nhưng do không am hiểu pháp luật, xác định sai người bị kiện nên Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện. Năm 2017, gia đình ông Hoàng Văn I, ông Hoàng Văn B đã thu hoạch toàn bộ cây trên đất và trả lại đất cho gia đình nguyên đơn. Năm 2017, do nguyên đơn có nhu cầu chuyển nhượng một phần diện tích đất nên đã nộp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cấp có thẩm quyền để tách phần đất đang tranh chấp với bị đơn; trả lại cho Nhà nước hơn 5.000m² để Nhà nước làm thủ tục giao đất cho Công ty thuê; còn lại trên 500m² hiện nay tại thửa đất 1483, nguyên đơn chưa được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình nguyên đơn vẫn là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất để khai thác cây trồng (cây sở) trên đất từ khi tranh chấp đến nay.

Hiện nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 13.313,6m² đất thuộc một phần thửa đất 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức, nay thuộc một phần thửa đất số 1483, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp và được quyền sở hữu 253 cây sở trên đất; yêu cầu bị đơn di dời 521 cây thông trên đất để trả lại đất; yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 31-12-2000 cho hộ bà Lý Thị C đối với diện tích đất tranh chấp. Đối với phần công trình, cây cối của Công ty trồng và xây năm 2019 trên đất, nguyên đơn sẽ sở hữu và không phải bồi thường vì Công ty không yêu cầu. Về chi phí tố tụng thực hiện tại Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn với tổng số tiền 15.517.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này. Về chi phí tố tụng thực hiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn với tổng số tiền 28.784.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu 8.784.000 đồng vì nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, chi phí còn lại 20.000.000 đồng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của đương sự cùng những lời trình bày tiếp theo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn T1, chị Lâm Thị T, chị Vi Thị N, chị Hoàng Thị

B, cụ Chu Thị D thống nhất với ý kiến của bà Hoàng Thị B đã đưa ra ở trên và những người này đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13-02-2020 cùng những lời trình bày tiếp theo, bị đơn bà Lý Thị C cho biết: Diện tích 14.188m² đất tranh chấp là của gia đình bị đơn. Diện tích này thuộc một phần diện tích đất gia đình bị đơn đã nhận chuyển nhượng ngày 26-3-1999 với nguyên đơn. Việc chuyển nhượng có làm giấy tờ (giấy Biên nhận chuyển nhượng), tuy không có xác nhận của chính quyền địa phương, nhưng có một số người trong xã xác nhận sự việc này. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng bị đơn đã thực hiện trồng 3.600 cây thông trên đất theo Dự án rừng Việt - Đức năm 1999. Do sử dụng ổn định, nên ngày 31-12-2000, gia đình bị đơn đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 16.300m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật, nên bị đơn không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã đưa ra ở trên. Về chi phí tố tụng, nguyên đơn chịu toàn bộ vì nguyên đơn là người kiện không đúng.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13-02-2020 cùng những lời trình bày tiếp theo, ông Hoàng Văn M thống nhất với ý kiến của bà Lý Thị C đã đưa ra ở trên.

Tại Bản tự khai ngày 28-4-2020 cùng những lời trình bày tiếp theo, ông Lương Văn T là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Việc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lý Thị C đối với diện tích 16.300m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức là không đúng đối tượng, không đảm bảo quy trình cấp. Lý do: Về nguồn gốc và quá trình sử dụng khu đất tranh chấp trước năm 1999 là của gia đình bà Hoàng Thị B. Năm 1999, bà Hoàng Thị B có thỏa thuận với ông Hoàng Văn M, Hoàng Văn B, Hoàng Văn I cùng thôn trồng cây trên đất, các ông chỉ được lấy cây, đất là của gia đình nguyên đơn. Trong quá trình thực hiện Dự án, ông Hoàng Văn B, ông Hoàng Văn I không đi kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đất không phải của gia đình họ (hiện đã trả lại đất cho nguyên đơn), còn ông Hoàng Văn M đã cho vợ đi kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một phần diện tích đất rừng của nguyên đơn. Vụ việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn đã được Ủy ban nhân dân xã hòa giải và có Báo cáo cơ quan chức năng đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn để trả lại đất cho nguyên đơn. Ngoài ra, Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận còn thiếu: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; các giấy tờ hợp pháp kèm theo nguồn gốc đất tranh chấp; bản đồ địa chính khu đất hoặc sơ đồ trích đo thửa đất. Hồ sơ trong quá trình cấp chưa có việc xác định ranh giới, mốc giới đất cũng như không có sơ đồ trích đo thửa đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đề nghị xem xét,

giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho người sử dụng đất.

Tại Bản tự khai cùng những lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa ông Triệu Xuân T là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh khí hóa lỏng L trình bày: Đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ai thì người đó có quyền sở hữu các công trình, cây trồng mà Công ty đã trồng và xây dựng trên đất vào năm 2019. Công ty không yêu cầu bồi thường vì phần đất đó không nằm trong phần đất mà Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 11-3-2020 thể hiện: Đất tranh chấp nguyên đơn xác định tại thực địa có diện tích 11.448,8m². Đất tranh chấp theo giá Nhà nước có trị giá 7.000 đồng/m², theo giá thị trường có trị giá 40.000 đồng/m². Trên đất có 253 cây sở do gia đình nguyên đơn trồng trị giá 61.325.000 đồng; 521 cây thông do gia đình bị đơn trồng năm 1999 trị giá 36.470.000 đồng; 150 cây thông mọc tự nhiên trị giá 2.400.000 đồng. Tổng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thực hiện hết 15.517.000 đồng. Nguyên đơn là người đã nộp tạm ứng chi phí này.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, trung cầu giám định ngày 03-8-2020, thể hiện: Đất tranh chấp nguyên đơn xác định tại thực địa có diện tích 15.284m². Đất tranh chấp theo giá Nhà nước có trị giá 7.000 đồng/m², theo giá thị trường có trị giá 40.000 đồng/m². Trên đất có 253 cây sở do gia đình nguyên đơn trồng trị giá 61.325.000 đồng (toàn bộ số cây sở này hầu hết không trồng theo hàng, lối, nằm trên toàn bộ diện tích đất và xen lẫn, rải rác cùng 521 cây thông); 521 cây thông do gia đình bị đơn trồng năm 1999 trị giá 36.470.000 đồng (toàn bộ số cây thông này hầu hết đều được trồng theo hàng, theo lối nhưng không nhất quán về khoảng cách giữa các cây, các hàng và số cây của từng hàng; mọc rải rác cùng các cây thông này là các cây sở) và 150 cây thông mọc tự nhiên trị giá 2.400.000 đồng. Ngoài ra, còn có các tài sản của Công ty trồng và xây dựng năm 2019 gồm: 08 cây lát trị giá 1.032.000 đồng, 02 cây đào trị giá 304.000 đồng, 01 cây bưởi trị giá 152.000 đồng, 03 cột đèn trị giá 3.600.000 đồng, 01 nhà kho trị giá 63.989.000 đồng, 01 téc nước Nam Á được hỗ trợ di chuyển 300.000 đồng, 995,5m² sân bê tông trị giá 238.920.000 đồng, 02 tường gạch (47,5m + 4,6m) x 2m trị giá 61.269.600 đồng. Tổng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, trung cầu giám định, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thực hiện hết 28.784.000 đồng. Nguyên đơn là người đã nộp tạm ứng chi phí này.

Tại phiên tòa, người làm chứng ông Hoàng Văn B cho biết: Ông là anh trai ruột của ông Hoàng Văn M. Gia đình nguyên đơn và gia đình bị đơn là anh em trong họ nội tộc với nhau. Bố chồng của nguyên đơn và bố đẻ của ông là anh em ruột. Ông khẳng định những gì phía nguyên đơn trình bày ở trên là đúng sự thật. Bản thân ông có tham gia vào việc thỏa thuận mượn đất của nguyên đơn để

trồng cây theo Dự án rừng Việt - Đức cùng gia đình ông Hoàng Văn M, Hoàng Văn I. Khi thỏa thuận không có ông Lý Ngọc C tham dự. Ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông Lương Văn M cho biết: Ông không có mâu thuẫn gì với gia đình nguyên đơn và bị đơn. Những gì nguyên đơn và ông Hoàng Văn B trình bày tại phiên tòa là đúng sự thật. Tại thời điểm năm 1999, ông không phải là Công an viên mà chỉ là Phổ cập viên của Dự án Việt Đức; khi các bên có sự thỏa thuận mượn đất để trồng cây theo Dự án rừng Việt - Đức không có ông Lý Ngọc C tham dự. Ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản luận cứ bảo vệ bà Chu Bích T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lý Thị C, ông Hoàng Văn M trình bày: Khu đất này thuộc một phần thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08 của hộ gia đình bị đơn, thửa đất này có tổng diện tích 16.300m², địa danh P, thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vào ngày 26-3-1999, bà Hoàng Thị B đã chuyển nhượng cho vợ chồng bị đơn toàn bộ 16.300m² đất sử dụng mãi mãi, có sự chứng kiến của Ban tự quản thôn. Khi chuyển nhượng các bên có làm giấy tờ và nguyên đơn đã ký xác nhận về việc đó. Năm 2000, gia đình bị đơn có đi kê khai và đến ngày 31-12-2000 thì hộ bà Lý Thị C được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình bị đơn sử dụng ổn định từ đó đến nay không có tranh chấp và đã trồng 3.600 cây thông trên đất từ năm 1999 (được thể hiện qua Bản đồ thiết kế trồng rừng Việt - Đức, vụ xuân 1999). Căn cứ Điều 166, 203 Luật Đất đai năm 2013 và Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục Địa chính về hướng dẫn thủ tục đăng ký, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về chi phí tố tụng đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Về án phí: Bị đơn là người dân tộc thiểu số cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự cho bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; có đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; có đương sự, có người làm chứng vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế dự án trồng rừng Việt - Đức xã Y1 theo kết quả thẩm định tại chỗ, trích đo, giám định và yêu cầu của nguyên đơn xác định có

diện tích: 13.313,6m², địa chỉ tại P, thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn có nguồn gốc là do cụ Chu Thị D, mẹ chồng của nguyên đơn quản lý, sử dụng trước năm 1992. Trên đất hiện vẫn còn 253 cây sớ do cụ Chu Thị D trồng. Năm 1992, khi cụ Chu Thị D vào miền Nam làm kinh tế mới đã giao khu đất này cùng một số khu đất khác cho con trai là Hoàng Minh Đ (đã chết) và con dâu là nguyên đơn quản lý, sử dụng. Năm 1999, khi có Dự án trồng rừng Việt - Đức, do gia đình không có người làm nên nguyên đơn đã cho các anh em trong họ gồm ông Hoàng Văn M, ông Hoàng Văn B, ông Hoàng Văn I mượn khu đất rừng P để trồng thông, thỏa thuận chỉ cho mượn đất trồng cây, sau này khai thác cây phải trả lại đất cho nguyên đơn, không chuyển nhượng đất; điều này phù hợp với lời khai khách quan của những người làm chứng là ông Hoàng Văn B, ông Lương Văn M và lời trình bày của ông Hoàng Văn I tại Biên bản hòa giải ngày 27-3-2012; lời khai của cụ Chu Thị D, phù hợp với nội dung Báo cáo số: 117/BC-UBND ngày 23-5-2013 của Ủy ban nhân dân xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn bà Lý Thị C cho rằng diện tích đất tranh chấp nguồn gốc là do bị đơn nhận chuyển nhượng với nguyên đơn ngày 26-3-1999 có lập giấy tờ. Tuy nhiên, qua xem xét giấy: Biên nhận chuyển rừng mà bị đơn cung cấp thấy không có giá trị pháp lý bởi Giấy được viết tay không có xác nhận, chứng thực của chính quyền địa phương; nội dung trong giấy không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất; những người tham gia trong giấy như: Ông Hoàng Văn H, ông Hoàng Văn Y, ông Lương Văn M... đều khẳng định bản chất của giấy chỉ là nguyên đơn cho vợ chồng bị đơn mượn đất để trồng cây chứ không chuyển nhượng đất; giấy đã có sự chỉnh sửa, tẩy xóa viết thêm một số nội dung. Mặt khác, năm 2012, khi Nhà nước có Dự án mở rộng nâng cấp tuyến đường Y - L có thu hồi một phần thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08, tài liệu trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn là người nhận tiền bồi thường về đất 37.233.000 đồng, bị đơn là người nhận tiền đền bù về cây trên đất 32.824.000 đồng và bị đơn không có thắc mắc, khiếu kiện gì. Như vậy, mặc nhiên bị đơn đã tự thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của nguyên đơn. Đối với tài sản là cây trồng, vật kiến trúc của Công ty có trên đất tranh chấp, người đại diện của Công ty xác định người nào có quyền quản lý, sử dụng đất thì người đó được quyền sở hữu các tài sản này, Công ty không yêu cầu thanh toán giá trị tài sản. Do vậy, có căn cứ xác định yêu cầu được quản lý sử dụng 13.313,6m² đất tranh chấp thuộc thửa 6b, tờ bản đồ số 08 và các tài sản trên đất của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Mặt khác, người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn khẳng định: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lý Thị C đối với thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08, diện tích 16.300m² là không đúng đối tượng, không đảm bảo quy trình cấp, Hồ sơ trong quá trình cấp chưa có việc xác định ranh giới, mốc giới thửa đất cũng như không có sơ đồ trích đo thửa đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn khi trên đất đã có tài sản trên đất (cây sớ) của gia đình nguyên đơn đã trồng trước đó. Việc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lý Thị C là không đúng đối tượng, không đảm bảo quy trình cấp theo quy định của Luật Đất đai. Vì vậy, yêu cầu

hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Lý Thị C đối với diện tích đất tranh chấp của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

Do yêu cầu quản lý, sử dụng đất tranh chấp của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn buộc bị đơn di dời cây thông trên đất tranh chấp là có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, xét thấy: Năm 1999, khi gia đình bị đơn trồng cây thông trên đất có sự đồng ý của nguyên đơn; hiện nay cây thông đã đến tuổi khai thác; bị đơn cùng gia đình hiện đang cư trú ổn định ở rất xa khu đất tranh chấp. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, tính khả thi của việc thi hành án, cần giao 521 cây thông này cho nguyên đơn sở hữu và buộc nguyên đơn phải thanh toán giá trị cho bị đơn theo định giá là 36.470.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần diện tích 1096m² đất thuộc thửa đất số 6a; diện tích 874,4m² đất thuộc thửa đất số 6b (đã được bồi thường, giải phóng mặt bằng) do nguyên đơn đã rút đơn yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn được quản lý, sử dụng 13.313,6m² đất tranh chấp thuộc thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08 và các tài sản trên đất tranh chấp gồm: 253 cây sò, 521 cây thông và các tài sản của Công ty trên thửa đất 6b. Buộc nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn giá trị của 521 cây thông là 36.470.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn di dời 521 cây thông trên đất tranh chấp.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 31-12-2000 cho hộ bà Lý Thị C đối với phần diện tích 13.313,6m².

5. Nguyên đơn có nghĩa vụ đăng ký, kê khai biến động quyền sử dụng đất với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản; đo đạc; giám định: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí ở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và một phần chi phí tại Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Số chi phí còn lại bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí. Bị đơn được miễn tiền án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai, bà Lý Thị C, ông Hoàng Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, xong họ đã có đơn xin xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lý Thị C, ông Hoàng Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt. Người làm chứng ông Hoàng Văn H vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228,

229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu được quyền quản lý sử dụng đất; yêu cầu bị đơn thu hoạch cây (thông) trên đất để trả lại đất và yêu cầu hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Lý Thị C. Tại phiên tòa, trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được khẳng định và làm rõ thể hiện: Nguyên đơn yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất; yêu cầu sở hữu tài sản trên đất đối với các cây sở và công trình, vật kiến trúc, cây trồng của Công ty; yêu cầu bị đơn di dời toàn bộ 521 cây thông trên đất để trả lại đất cho nguyên đơn và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Lý Thị C đối với diện tích đất nguyên đơn yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng. Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời cây trồng (cây thông) trên đất để trả lại đất và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Cụ Chu Thị D là vợ của cụ Hoàng Ngọc H (đã chết trước năm 1980). Họ có 06 người con trong đó có ông Hoàng Minh Đ. Ông Hoàng Minh Đ (đã chết năm 1993) là chồng của bà Hoàng Thị B. Họ có 04 người con, đó là Hoàng Văn N, sinh năm 1983; Hoàng Văn T, sinh năm 1986 (có vợ là Vi Thị N); Hoàng Thị B, sinh năm 1989 (đã lấy chồng năm 2006 và sinh sống ở nơi khác); Hoàng Văn T1, sinh năm 1992 (có vợ là Lâm Thị T).

[4] Ông Hoàng Văn M (tên gọi khác: Hoàng Văn M1) có vợ là bà Lý Thị C (tên gọi khác: Lý Thị C1). Họ sinh được 04 người con, đó là: Hoàng Văn N, sinh ngày 04-5-1992; Hoàng Thị M, sinh ngày 14-7-1994; Hoàng Văn V, sinh ngày 22-01-1997; Hoàng Thị A, sinh ngày 24-6-2000. Theo Sổ hộ khẩu gốc xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn năm 2003 thì chủ hộ là Hoàng Văn M, bà Lý Thị C (quan hệ với chủ hộ: vợ), Hoàng Văn N (quan hệ với chủ hộ: con), Hoàng Thị M (quan hệ với chủ hộ: con), Hoàng Văn V (quan hệ với chủ hộ: con), Hoàng Thị A (quan hệ với chủ hộ: con). Như vậy, tính đến ngày 31-12-2000, Hoàng Văn N, Hoàng Thị M, Hoàng Văn V, Hoàng Thị A chưa đủ 15 tuổi. Ngày 24-02-2011, tất cả các thành viên trong hộ gia đình ông Hoàng Văn M đã chuyển hộ khẩu đến đăng ký thường trú tại xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn xác định diện tích đất tranh chấp là 16.300m² đất rừng sản xuất. Ngày 11-3-2020, khi tiến hành đo đạc qua xác định của nguyên đơn thể hiện đất tranh chấp có diện tích 11.448,8m². Ngày 03-8-2020, qua xác định của nguyên đơn thể hiện đất tranh chấp có diện tích 15.284m². Tất cả các đương sự đều thừa nhận nội dung và giá trị pháp lý của Kết luận giám định tư pháp ngày 07-9-2020 của Giám định viên tư pháp theo vụ việc ông Hoàng Văn T2; không đương sự nào có ý kiến hay đề nghị gì về Kết luận giám định. Tại Kết luận giám định tư pháp khu đất tranh chấp có diện tích: 15.284m²; có địa danh: P; địa điểm: Thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khu đất tranh chấp xác định trên Bản đồ giao đất lâm nghiệp tỷ lệ 1:10.000 xã

Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Khu đất này trước đây chưa giao đất, giao rừng cho ai; do đó không có số lô, số khoảnh, số hiệu, số thửa đất (để trồng). Khu đất tranh chấp xác định theo Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức nằm trong hai thửa đất số 6a và 6b thuộc số thứ tự: 6; số lô, số khoảnh, số hiệu, số thửa đất trong Biểu thống kê diện tích thiết kế vụ xuân năm 1999 kèm theo Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức. Đất tranh chấp nằm trong thửa 6a có diện tích 1.096,0m², đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 6b có diện tích 14.188,0m². Khu đất tranh chấp xác định theo Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp thuộc một phần thửa đất số 1483, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp. Khu đất tranh chấp xác định theo Bản đồ địa chính không trồng lần (không trùng) vào các thửa đất ruộng nhưng có 944,0m² đất thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114, Bản đồ địa chính, diện tích đất này đã được thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng.

[6] Theo Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức, thửa đất số 6a, tờ bản đồ số 08 có tổng diện tích 0,69 ha chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình hay tổ chức nào. Thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08 có tổng diện tích 1,63 ha đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00411 QSDĐ/674/QĐ-UBND ngày 31-12-2000 cho hộ bà Lý Thị C.

[7] Theo Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp, thửa đất số 1483, tờ bản đồ số 01 có tổng diện tích 22.482m² đất rừng sản xuất đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 525031 ngày 28-7-2010 cho bà Hoàng Thị B. Ngày 20-9-2017, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số: 286/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Hoàng Thị B đối với thửa đất số 1483. Ngày 10-10-2017, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số: 385/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất, cụ thể: Thu hồi 5.271,4m² đất tại thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do hộ bà Hoàng Thị B đang sử dụng. Lý do thu hồi: Hộ gia đình bà Hoàng Thị B tự nguyện trả lại đất - Hộ gia đình bà Hoàng Thị B đã bán toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh khí hóa lỏng L và tự nguyện trả lại đất để Nhà nước thu hồi đất và cho Công ty thuê đất theo quy định của pháp luật. Ngày 29-11-2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Quyết định số: 2274/QĐ-UBND về việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn khí hóa lỏng L thuê đất tại thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đối với diện tích 4.584,68m².

[8] Theo Bản đồ địa chính, có 944,0m² đất thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ 114 là phần đất đã được Nhà nước thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình: Các đoạn tuyến đường Y - L, qua địa phận xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Phần diện tích đất còn lại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình hay tổ chức nào.

[9] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu giải quyết diện tích 1.096m² đất thuộc một phần thửa đất số 6a, tờ bản đồ số 08 và diện tích 874,4m² đất thuộc một phần thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức nay thuộc một phần thửa số 1483, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp và thuộc một phần thửa đất 19 tờ bản đồ số 114 Bản đồ địa chính. Xét thấy, việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[10] Hiện nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai đối với diện tích 13.313,6m² đất thuộc một phần thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức, nay thuộc một thửa đất số 1483, tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp. Trên đất có tài sản của Công ty xây dựng và trồng vào năm 2019 gồm có: 01 cây đào, sân bê tông, 01 cột đèn, 02 cây lát, một phần đất đã san ủi không có cây trồng, 01 téc nước, 01 nhà kho, một phần đoạn tường rào I dài 30,6m. Ngoài ra, còn có 521 cây thông do bị đơn trồng năm 1999 và 253 cây sớ do cụ Chu Thị D trồng trước năm 1992.

[11] Nguyên đơn bà Hoàng Thị B cho rằng: Đất tranh chấp có nguồn gốc là một phần đất mà của cụ Chu Thị D để lại cho vợ chồng nguyên đơn quản lý năm 1992 khi cụ Chu Thị D đi vào miền Nam sinh sống. Trên đất hiện có có 253 cây sớ cũng do cụ Chu Thị D trồng trước năm 1992. Sau khi được giao đất, vợ chồng nguyên đơn hàng năm vẫn chăm sóc các cây sớ và hái củi trên khu đất này. Trong quá trình quản lý, sử dụng đến trước năm 1999, vợ chồng nguyên đơn không trồng thêm cây gì mà chỉ có thêm các cây mọc tự nhiên. Từ năm 1999 đến nay, gia đình nguyên đơn vẫn tiếp tục quản lý khu đất và trực tiếp chăm sóc, khai thác cây trồng (cây sớ) trên đất. Điều này cũng phù hợp với lời khai của tất cả các đương sự trong vụ án, người làm chứng có mặt tại phiên tòa và người làm chứng thể hiện tại Hồ sơ tài liệu của Ủy ban nhân dân xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn điều tra xác minh khi giải quyết tranh chấp đất đai giữa nguyên đơn và bị đơn vào năm 2012 (bút lục 06-19).

[12] Gia đình bị đơn cũng thừa nhận: Đất tranh chấp trước ngày 26-3-1999 là đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng ngày 26-3-1999, nguyên đơn chuyển nhượng cho gia đình bị đơn 16.300m² đất trong đó có phần đất đang có tranh chấp. Việc chuyển nhượng có lập giấy Biên nhận chuyển rừng. Giấy này tuy không có chính quyền địa phương xác nhận, nhưng nguyên đơn đã ký vào đó. Ngoài ra, còn có nhiều người khác có ký nhận, đó là ông Hoàng Văn I, ông Hoàng Văn H, ông Lương Văn M, ông Lý Ngọc C. Gia đình bị đơn đã trực tiếp trồng 3.600 cây thông trên đất vào năm 1999 theo Dự án trồng rừng Việt Đức; gia đình đã làm thủ tục chuyển hộ khẩu vào Đắc Lắc từ năm 2011; đã nhiều năm nay cả gia đình đều không sinh sống ở Lạng Sơn mà sinh sống ở Đắc Lắc.

[13] Xét giấy Biên nhận chuyển rừng, thấy rằng: Qua lời khai của các đương sự, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Hiện nay, ông Lý

Ngọc C, ông Hoàng Văn I, ông Hoàng Văn Y đã chết, ông Hoàng Văn H, ông Lương Văn M còn sống. Tuy một số người đã chết, nhưng họ cũng đã có ý kiến thể hiện sự việc tại các biên bản của chính quyền địa phương lập trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai giữa nguyên đơn và bị đơn vào năm 2012, mọi người đều khẳng định: Khi thực hiện trồng rừng theo Dự án rừng Việt - Đức, vụ xuân 1999, nguyên đơn là người đã cho 03 người (là họ hàng của nguyên đơn) đó là ông Hoàng Văn B (anh trai ông Hoàng Văn M), ông Hoàng Văn I, ông Hoàng Văn M mượn đất rừng tại khu P để trồng rừng theo Dự án. Theo thỏa thuận thì nguyên đơn chỉ cho mượn đất, người trồng cây theo Dự án sau này hưởng công chăm sóc và giá trị cây trên đất và phải thu hoạch cây để trả lại đất cho nguyên đơn. Trong quá trình trồng rừng theo Dự án rừng Việt - Đức, ông Hoàng Văn I và ông Hoàng Văn B không thực hiện việc kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất được nguyên đơn cho mượn. Năm 2012, khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình: Các đoạn tuyến đường Y - L, qua địa phận xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì nguyên đơn là người hưởng đền bù về giá trị đất, gia đình ông Hoàng Văn I và ông Hoàng Văn B hưởng đền bù về giá trị cây (thông) trên đất. Và năm 2017, hai gia đình này đã thu hoạch cây thông trên đất để trả lại đất cho nguyên đơn. Người chuyển nhượng tại giấy là Hoàng Thị B2 còn nguyên đơn họ và tên đầy đủ là Hoàng Thị B, ngoài ra không có tên gọi nào khác. Giấy Biên nhận chuyển rừng là bản viết tay (bản phô tô) không có chính quyền địa phương xác nhận hoặc được chứng thực; không có diện tích, tứ cận, kích thước khu đất chuyển nhượng. Nội dung thể hiện tại giấy qua kiểm tra tại Bản đồ dự án rừng Việt - Đức và Biểu 1 Biểu thống kê diện tích thiết kế vụ xuân năm 1999 thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thể hiện không đúng thực tế, không phù hợp với lời khai của những người làm chứng, không phù hợp với hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm năm 1999. Chính ông Hoàng Văn Y, ông Hoàng Văn H khẳng định: Giấy này đã có sự chỉnh sửa, viết thêm một số chữ vào đó. Tại giấy Biên nhận chuyển rừng thể hiện: Ông Lương Văn M là Công an viên nhưng chính ông Lương Văn M khẳng định khi đó ông không phải là Công an viên mà chỉ là Phò cập viên của Dự án Việt Đức. Ông Hoàng Văn B cũng tham dự việc thỏa thuận và thực hiện theo thỏa thuận nhưng giấy này không thể hiện điều đó. Qua lời khai của những người làm chứng thì khi các bên có sự thỏa thuận mượn đất để trồng cây theo Dự án rừng Việt - Đức không có ông Lý Ngọc C tham dự. Trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần và cũng không cung cấp bản gốc giấy Biên nhận chuyển rừng. Từ phân tích trên cho thấy, giấy Biên nhận chuyển rừng mà bị đơn cung cấp không có giá trị pháp lý. Như vậy, việc chuyển nhượng đất giữa nguyên đơn và gia đình bị đơn như bị đơn đã trình bày là không có căn cứ để chấp nhận.

[14] Năm 2012, khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng công trình: Các đoạn tuyến đường Y - L, qua địa phận xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì nguyên đơn mới biết việc bị đơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang có tranh chấp. Vì vậy, đã xảy ra tranh chấp đất đai giữa hai gia đình. Và sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải. Quá trình nhận tiền đền bù giá trị đất và giá trị tài sản trên

đất thể hiện: Việc nhận tiền đền bù giá trị đất tại khu đất tranh chấp do nguyên đơn nhận (bút lục 286-287); việc nhận tiền đền bù giá trị cây trên đất do bị đơn nhận (bút lục 290-291). Việc chi trả, nhận tiền này gia đình bị đơn không có ý kiến gì từ đó đến nay.

[15] Tại Báo cáo số: 117/BC-UBND ngày 23-5-2013 của Ủy ban nhân dân xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cùng những tài liệu do chính quyền địa phương xác minh thu thập trong quá trình hòa giải tranh chấp đất đai giữa hai bên (bút lục 05-19) thể hiện: Đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn, bị đơn được hưởng cây và công chăm sóc cây của dự án. Chính quyền xã đã Báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xem xét thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn để trả lại đất cho nguyên đơn quản lý, sử dụng.

[16] Người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn khẳng định: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lý Thị C đối với diện tích 16.300m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức là không đúng đối tượng, không đảm bảo quy trình cấp Giấy chứng nhận. Trong Hồ sơ cấp giấy chứng nhận còn thiếu theo điểm I.2.3, mục I, phần II Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục Địa chính bao gồm: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; các giấy tờ hợp pháp kèm theo nguồn gốc đất tranh chấp; bản đồ địa chính khu đất hoặc sơ đồ trích đo thửa đất. Hồ sơ trong quá trình cấp Giấy chứng nhận chưa có việc xác định ranh giới, mốc giới đất cũng như không có sơ đồ trích đo thửa đất.

[17] Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn trên đất có rất nhiều cây sở là tài sản của nguyên đơn; đến nay trên đất vẫn còn 253 cây sở của gia đình nguyên đơn trồng trước năm 1992. Các cây sở này qua việc xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện được trồng xen kẽ cùng với 521 cây thông mà bị đơn đã trồng năm 1999 trên diện tích 11.547,4m² đất. Như vậy, quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lý Thị C không đảm bảo về nguồn gốc đất, trên đất đã và đang có tài sản (cây sở) của gia đình nguyên đơn tồn tại từ trước đó nhiều năm.

[18] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đối với 13.313,6m² đất thuộc một phần thửa đất 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ bà Lý Thị C ngày 31-12-2000 đối với diện tích 13.313,6m² thuộc một phần thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng dự án Việt - Đức.

[19] Đối với các tài sản của Công ty có trên đất tranh chấp bao gồm: 01 nhà kho, sân bê tông, 01 tép nước, 01 cột đèn chiếu sáng, một phần bức tường rào I, 01 cây lát, 01 cây đào. Người đại diện theo pháp luật của Công ty khẳng định khu đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của ai thì người đó có quyền sử hữu toàn bộ các tài sản này, Công ty không yêu cầu bồi thường vì phần đất đó không nằm trong phần đất mà Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cho Công ty. Như vậy, chủ sở hữu tự chấm dứt quyền sở hữu của mình, chủ sở hữu đã thực hiện hành vi chứng tỏ việc mình từ bỏ quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản trực tiếp tại phiên tòa. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chủ sở hữu, căn cứ Điều 239 Bộ luật Dân sự năm 2015 ghi nhận vấn đề này. Do đó, nguyên đơn được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản trên và không phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty.

[20] Đối với tài sản là 253 cây sớ có trên đất tranh chấp: Các cây sớ này do cụ Chu Thị D trồng trước năm 1992, cụ đã nhất trí để cho nguyên đơn được quyền sở hữu và không yêu cầu gì nên nguyên đơn được sử hữu tài sản là 253 cây sớ trên đất.

[21] Đối với 521 cây thông có trên đất tranh chấp: Các cây thông này do gia đình bị đơn trồng theo Dự án trồng rừng Việt - Đức, vụ xuân 1999. Xét thấy, khi trồng các cây thông này, nguyên đơn cũng nhất trí cho bị đơn mượn đất để trồng; hiện các cây thông đều đã đến tuổi khai thác và đều có đường kính gốc khá lớn nên rất khó trong việc di dời tài sản trên đất. Mặt khác, gia đình bị đơn đã chuyển vào tỉnh Đắk Lắk sinh sống từ năm 2011. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho gia đình bị đơn và tính khả thi của việc thi hành án cần giao cho nguyên đơn được sở hữu toàn bộ 521 cây thông và nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán giá trị cây cho bị đơn bằng tiền, với tổng số tiền 36.470.000 đồng theo Biên bản định giá tài sản ngày 03-8-2020 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[22] Về chi phí tố tụng Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thực hiện vào ngày 11-3-2020 hết tổng cộng 15.517.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã tạm ứng chi trả. Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên chấp nhận và ghi nhận nguyên đơn đã nộp xong.

[23] Về chi tố tụng Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thực hiện vào ngày 03-8-2020 hết tổng cộng 28.784.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã tạm ứng chi trả. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và tự nguyện chịu 8.784.000 đồng; bị đơn phải chịu chi phí tố tụng còn lại 20.000.000 đồng đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1, 4, 5 Điều 157, Điều 158, khoản 1, 3, 5 Điều 161, Điều 162, khoản 1, 4, 5 Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[24] Về án phí: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, Tòa án chỉ xem xét đến quyền sử dụng đất của các đương sự, không xem xét về giá trị. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí; bị đơn phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có đề nghị miễn tiền án phí dân sự cho bị đơn nên bị đơn được miễn toàn bộ tiền án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 3.727.500 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05356 ngày 10-11-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 24; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[25] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là không phù hợp và không có căn cứ pháp lý nên không được chấp nhận.

[26] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ pháp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[27] Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 1, 3, 5, 6, 73, 75 của Luật Đất đai năm 1993 (được sửa đổi bổ sung năm 1998);

Căn cứ các Điều 3, 10, 11, 41 của Nghị định số: 17/1999/NĐ-CP ngày 29-3-1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số: 346/1998/TT-TCĐC ngày 16-3-1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Căn cứ vào Điều 158, 160, 161, 163, 164, 166, 169, 186, 189, 192, 221, 235, 237, 239, 274, 275, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 147, khoản 1, 4, 5 Điều 157, Điều 158, khoản 1, 3, 5 Điều 161, Điều 162, khoản 1, 4, 5 Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất và nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị B về việc buộc bà Lý Thị C di dời 521 cây thông trên đất, trả lại đất cho bà Hoàng Thị B.

1.2. Bà Hoàng Thị B được quyền quản lý, sử dụng diện tích 13.313,6m² đất tại khu P, thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thuộc một phần thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức, vụ xuân 1999, thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00411/QSĐĐ/674/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 31-12-2000 cho hộ bà Lý Thị C; nay thuộc một phần thửa đất số 1483, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/10000 lập năm 2010 xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 13.313,6m² đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): M2-M3-B2-M4-M5-A9-A10-A11-A12-A13-A14-A15-A16 thể hiện tại Phụ lục đính kèm trích đo khu đất tranh chấp kèm theo Bản án.

1.3. Bà Hoàng Thị B được quyền sở hữu tài sản gồm có: 521 cây thông; 253 cây sồi; phần sân bê tông, nhà kho, đất trồng cây có diện tích 411,3m² (Vị trí đỉnh thửa: M3-B2-B3): 01 nhà kho loại 3E diện tích 33,44m², 01 téc nước, 01 cột đèn chiếu sáng, 01 bức tường rào số I dài 30,6m (Vị trí đỉnh thửa: M3-B3), 01 cây lát, 01 cây đào trên diện tích đất nêu tại 1.2.

1.4. Bà Hoàng Thị B phải thanh toán giá trị cây trồng (521 cây thông) cho bà Lý Thị C với tổng số tiền là 36.470.000 đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

1.5. Ghi nhận Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh khí hóa lỏng L từ bỏ quyền sở hữu của mình đối với giá trị cây trồng, công trình, vật kiến trúc trên đất, cụ thể: Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh khí hóa lỏng L không yêu cầu bà Hoàng Thị B phải có trách nhiệm thanh toán giá trị cây trồng, công trình vật kiến trúc mà Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh khí hóa lỏng L đã trồng và xây dựng năm 2019, gồm có: Phần sân bê tông, nhà kho, đất trồng cây có diện tích 411,3m² (Vị trí đỉnh thửa: M3-B2-B3): 01 nhà kho loại 3E diện tích 33,44m², 01 téc nước, 01 cột đèn chiếu sáng, 01 bức tường rào số I dài 30,6m (Vị trí đỉnh thửa: M3-B3), 01 cây lát, 01 cây đào trên một phần diện tích đất nêu tại mục 1.2.

1.6. Về kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất

Bà Hoàng Thị B có nghĩa vụ kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu tại mục 1.2; quyền sử hữu tài sản gắn liền với đất nêu tại mục 1.3 theo quy định của pháp luật đất đai.

1.7. Buộc hộ bà Lý Thị C chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất nêu tại mục 1.2 và tài sản gắn liền với đất nêu tại mục 1.3 với bà Hoàng Thị B.

2. Về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị B; hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00411/QSĐĐ/674/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 31-12-2000 cho hộ bà Lý Thị C đối với diện tích 13.313,6m² đất thuộc một phần thửa đất số 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức, vụ xuân 1999, thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 13.313,6m² đất xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa): M2-M3-B2-M4-M5-A9-A10-

A11-A12-A13-A14-A15-A16 thể hiện tại Phụ lục đính kèm trích đo khu đất tranh chấp kèm theo Bản án.

3. Về việc đình chỉ xét xử

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị B yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích 1.970,4m² đất, trong đó: Diện tích 1.096m² đất thuộc một phần thửa đất số 6a; diện tích 874,4m² đất thuộc một phần thửa đất 6b, tờ bản đồ số 08, Bản đồ thiết kế trồng rừng Dự án Việt - Đức, vụ xuân 1999, thôn K, xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nay thuộc một phần thửa đất số 1483, tờ bản đồ số 01, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/10000 lập năm 2010 xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; hiện có 944,0m² đất thuộc phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114, Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/1000 lập năm 2016 xã Y1, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích 1.970,4m² đất được xác định bởi các đỉnh thừa nổi các điểm (đỉnh thừa): A1-A2-A3-A4-M6-A6-A7-A8-A9-M5-M4-B2-M3-M2 thể hiện tại Phụ lục đính kèm trích đo khu đất tranh chấp kèm theo Bản án.

4. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng

Bà Hoàng Thị B tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 15.517.000 đồng về việc chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn thực hiện vào ngày 11-3-2020. Xác nhận bà Hoàng Thị B đã nộp đủ số tiền 15.517.000 đồng (mười năm triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng).

Bà Hoàng Thị B tự nguyện chịu số tiền 8.784.000 đồng về việc chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trưng cầu giám định Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thực hiện vào ngày 03-8-2020. Xác nhận bà Hoàng Thị B đã nộp đủ số tiền 8.784.000 đồng (tám triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn đồng).

Bà Lý Thị C phải chịu số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về việc chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trưng cầu giám định Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn thực hiện vào ngày 03-8-2020. Bà Lý Thị C phải trả cho bà Hoàng Thị B tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trưng cầu giám định với số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

5. Về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị B số tiền 3.727.500 đồng (ba triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05356 ngày 10-11-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Lý Thị C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo

Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h.Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h.C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, HS vụ án, Tòa DS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa